

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2025**  
**(Ngày 15 tháng 12 năm 2025)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ HỒNG Ngày, tháng, năm sinh: 10/12/1977
- Chức vụ/chức danh công tác: Hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường THCS Tân Hưng – Thị Trấn
- Nơi thường trú: Thôn Diêm Niêm 1, xã Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: 031177006584, ngày cấp: 10/8/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: PHẠM VĂN DUNG Ngày tháng năm sinh: 03/5/1978
- Nghề nghiệp: Công an
- Nơi làm việc<sup>(4)</sup>: Công an xã Vĩnh Am
- Nơi thường trú: Thôn Diêm Niêm 1, xã Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 036078000250, ngày cấp: 28/6/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG Ngày tháng năm sinh: 13/2/2003
- Nơi thường trú: Thôn Diêm Niêm 1, xã Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031203000051, ngày cấp: 10/4/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: PHẠM ĐĂNG THÀNH Ngày tháng năm sinh: 05/6/2006
- Nơi thường trú: Thôn Diêm Niêm 1, xã Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031206018736, ngày cấp: 12/6/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>:

1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: Thôn Diêm Niêm 1, xã Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.
- Diện tích<sup>(9)</sup>: 69,5 m<sup>2</sup>

- Giá trị<sup>(10)</sup>: 350,000,000 VND
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: Số AD 306885
- Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>: Không

#### 1.1.2. Thừa thứ hai:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: Thôn Diềm Niêm, xã Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
- Diện tích<sup>(9)</sup>: 108,8 m<sup>2</sup>
- Giá trị<sup>(10)</sup>: 1,000,000,000 VND
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: Số CS 800614 và Số CS 800615
- Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>: Không

#### 1.2. Các loại đất khác<sup>(13)</sup>: Không

### 2. Nhà ở, công trình xây dựng:

#### 2.1. Nhà ở:

##### 2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Thôn Diềm Niêm 1, xã Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.
- Loại nhà<sup>(14)</sup>: 2 tầng
- Diện tích sử dụng<sup>(15)</sup>: 63 m<sup>2</sup>
- Giá trị<sup>(10)</sup>: 450,000,000 VND

##### 2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Không có.

#### 2.2. Công trình xây dựng khác<sup>(16)</sup>: Không có

### 3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>:

#### 3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>: Không có

#### 3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>: Không có

#### 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi: Nhà ở      Số lượng: 01      Giá trị<sup>(10)</sup>: 270,000,000 VND

#### 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>: Không có

#### 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>: 1.684.681.613 VND.

#### 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không có

#### 7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

##### 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>:

- Tên tài sản: Xe máy      Số đăng ký: 019362      Giá trị: 50,000,000 VND
- Ô tô Tucson      Số đăng ký: 15 000657      Giá trị: 500,000,000 VND

##### 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>: Không có

8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>: Không có  
 9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>: Không có  
 10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>:  
 - Tổng thu nhập của người kê khai: 211.233.600 VND/ năm  
 - Tổng thu nhập của chồng: 342.469.716 VND/năm  
 - Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không có  
 - Tổng các khoản thu nhập chung: Không có

### III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM <sup>(29)</sup>

Loại tài sản, thu nhập	Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup>		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá		Tăng 287.660.107 VNĐ	Tiết kiệm tiền lương

<p>trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(32)</sup>.</p>		<p>Giảm 45.621.684 VNĐ</p>	<p>Không có tiền dạy thêm từ 14/02/2025</p>
---	--	------------------------------------	---

....., ngày .... tháng .... năm 2025  
**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/ chức danh)*

Vĩnh Bảo, ngày 10 tháng 12 năm 2025  
**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Nguyễn Thị Hồng**